TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 3 năm 2020
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi
2. Ông Hà Trọng Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà***: Bà Trịnh Ngọc Giàu - Kiểm sát viên .

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2020/ HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn T, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Phạm Thị D trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tấn T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do anh T nghiện ma túy và không quan tâm chăm sóc vợ con. Đến năm 2012 xét thấy không thể tiếp tục sống chung nên chị và anh T đã ly thân cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Lê Thanh A, sinh ngày 19/8/2006 hiện cháu đang sống cùng ông bà nội của cháu. Trước đây tại đơn khởi kiện chị yêu cầu giao con cho anh T nuôi dưỡng nhưng nay chị nhận thấy anh T đang chấp hành án nên tại phiên tòa chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

- Tại biên bản ghi ý kiến anh Lê Tấn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị D kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2012. Nên nay chị D yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Lê Thanh A, sinh ngày 19/8/2006 hiện cháu đang sống cùng ông bà nội. Do cháu từ nhỏ đã sống cùng với anh, nên khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có T sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại .

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Lê Tấn T; về con chung giao con chung là Lê Thanh A chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không đặt ra yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về T sản chung, nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình chị D phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Phạm Thị D và anh Lê Tấn T được xác định là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Lê Tấn T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị Phạm Thị D và anh Lê Tấn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện chị D yêu cầu xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống chị D và anh T đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh, chị đã ly thân từ năm 2012 đến nay, mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị D được chấp nhận.

[3] Về con chung, chị D và anh T có 01 con chung tên Lê Thanh A, sinh ngày 09/8/2006 hiện cháu đang sống cùng ông bà nội. Nay khi ly hôn chị D và anh T đều có yêu cầu nuôi con. Mặc dù tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Lê Thanh A thì nguyện vọng của cháu là muốn sống cùng với cha. Tuy nhiên, do hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Cái Tàu nên không có điều kiện trực tiếp trông trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Bản thân chị D cũng có đủ điều kiện

để nuôi con. Do đó để đảm về quyền lợi mọi mặt của cháu A về điều kiện vật chất, và tinh thần xét thấy cần giao cháu Lê Thanh A cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị D, anh T khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị D về việc xin ly hôn với anh Lê Tấn T.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Thanh A, sinh ngày 19/8/2006 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Tấn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh, chị khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Phạm Thị D phải chịu. Chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001372 vào ngày 05/02/2020, được đối trừ, chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị D, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.